

### Chương Bốn

#### Mùa Xuân tại California

Hoàng quyết định rời Nữ Ước đi San Francisco vào đầu tháng tư năm 1983. Anh đã mua vé máy bay hai tuần trước và sẽ đi chuyến bay sáng thứ bảy lúc 10 giờ. Anh sẽ đến San Francisco lúc 2:20 trưa và sẽ được anh Trương và anh Sang ra đón anh tại Phi trường. Anh đã chuẩn bị kỹ lưỡng chuyến đi này và tin tưởng rằng sẽ không có gì trục trặc. Lần trước, anh đã phải chờ Seymour ba tiếng đồng hồ tại phi trường Kennedy bởi vì cơ quan thiện nguyện lo việc di chuyển cho anh đã không thông báo cho gia đình bảo trợ ngày giờ anh đến Nữ Ước. Anh đã phải nhờ sự giúp đỡ của một nhân viên hãng máy bay United Airlines và ông này đã sốt sắng kêu đến văn phòng của vị Dân Biểu đã can thiệp cho anh vào Mỹ và nhờ vậy mà Seymour mới được thông báo và cấp kíp ra đón anh.

Hoàng cũng đã gọi điện thoại cho Sơn, người chị họ bên vợ, để báo cho chị biết rằng mình sẽ đi San Francisco vào ngày hôm đó. Anh không mong chị ra đón anh bởi vì chị ở San Jose, một thành phố cách San Francisco khoảng 50 dặm. Gia đình chị Sơn đã rời Saigon vào tháng tư năm 1975, vài ngày trước khi chính quyền Saigon sụp đổ. Chồng chị, anh Cương là chỉ huy trưởng một căn cứ hải quân, nên việc ra đi của gia đình chị không có gì khó khăn. Ngày Hoàng đến Mỹ, gia đình chị đã an cư lạc nghiệp, các con chị đã nhập hội vào xã hội mới và đang là những học sinh xuất sắc nhất trường nơi chúng theo học. Hoàng định bụng một khi đã tìm được chỗ tạm trú yên ổn và công ăn việc làm anh sẽ lấy xe đò đi thăm chị Sơn và gia đình.

Và như thế, sáng thứ bảy hôm ấy anh già từ gia đình Gellerman để đi tới phi trường Kennedy. Bình, một người bạn, đã đến đón anh lúc tám giờ. Sau khi anh ăn nhanh bữa điểm tâm cuối cùng với Seymour và Florence, anh chào từ biệt hai người. Cả hai đã tiễn anh ra cửa và Florence nói với anh:

- Anh Hoàng, anh nhớ rằng căn nhà này vẫn là căn nhà của anh, gia đình này luôn luôn là gia đình anh. Lúc nào anh muốn trở về thì anh cứ tự tiện. Chúng tôi không thể giữ chân anh lại được nhưng lúc nào anh cũng ở bên lòng chúng tôi. Anh hãy trở về thăm chúng tôi khi nào

thuận tiện với anh. Khi chúng tôi đi California, chúng tôi cũng sẽ tìm cách liên lạc với anh. Chúc anh đi may mắn!

Còn Seymour thì nói:

- Chúng tôi sẽ nhớ đến anh mỗi lần uống Manhattan. Từ nay trở đi nhiệm vụ pha chế Manhattan, anh lại trao trả lại cho tôi. Anh nay đã trở thành vua pha Manhattan, tôi chắc không hơn anh được! Thôi anh đi vui vẻ nghe!

Hoàng ôm Florence, và rướm rướm nước mắt, anh nói:

- Cám ơn Florence! Bà thật quá tốt. Tôi sẽ không bao giờ quên ơn bà! Cho đến khi chết, tôi sẽ không quên. Tôi hứa sẽ về thăm bà.

Seymour nói:

- Còn tôi? Anh sẽ quên tôi nhanh chóng phải không? Tôi đùa đấy! Chúng tôi cũng sẽ không quên anh đâu!

Seymour xách chiếc vali lớn của anh ra xe. Ông bỏ nó vào thùng sau xe của Bình rồi xiết chặt tay anh. "Bye!" ông nói, rồi quay sang Bình: "Anh Bình, cám ơn anh đã nhận đưa anh Hoàng ra phi trường!" Florence chỉ đứng đó nhìn anh chui vào xe và cả hai vẫy vẫy tay khi chiếc xe chuyển bánh. Hoàng cũng vẫy lại. Tự dưng anh thấy tim anh se lại và một nỗi buồn nhẹ nhàng dâng lên trong lòng. Thế là một giai đoạn trong cuộc đời mới của anh đã trôi qua, một giai đoạn khác lại sắp tiếp nối. Ngày mai sẽ ra sao, trời có sẽ sáng sủa hơn hay không, anh không biết chắc. Anh Trương đã hứa với anh là sẽ có việc làm cho anh ngay khi anh tới San Francisco, nhưng biết thế nào được? Có ai đoán trước được những bất trắc sẽ xảy ra bao giờ?

- Anh làm cái gì mà thù người ra như thế?

Hoàng giật mình tỉnh dậy. Anh vừa chìm đắm trong một cơn suy tư mà không hay biết. Anh quay sang nhìn Bình và thấy Bình mỉm cười như muốn chế nhạo anh.

- Anh đi tuốt xa như thế thì có còn nhớ New York hay không? Anh có sẽ quên nơi đây dễ dàng hay không đấy?
- Làm sao quên được? Những kỷ niệm đầu của tôi ở đây mà anh! Ra đi là chết trong lòng một tí, anh còn nhớ câu đó không? Người Mỹ họ có câu nói "I shall return!" Nhưng tôi ra đi rồi, chắc chẳng bao giờ còn trở về Nữ Ước nữa!
- Mai một, khi cuộc sống anh bên Cali ổn định rồi, lúc nào anh muốn về mà chẳng được?

- Về chơi dăm ba ngày thì nói làm gì anh Bình? Tôi muốn ở lại đây luôn, vì đất này là đất của những ai có nhiều tham vọng. Tôi ra đi là đã đầu hàng số phận. Đáng lý ra tôi phải ở lại đây, cần rằng chịu đựng một thời gian. Nhưng tôi đã yếu hèn, tôi đã chọn con đường nhưng lựa là ra đi.
- Anh đừng nói thế! Anh đi Cali là đúng đấy. Nơi đó có nhiều cơ hội để cho mình thành công hơn. Cali dễ sống hơn nơi đây nhiều...

Hoàng yên lặng không nói gì. Từ ngày đến Mỹ anh chẳng quen biết ai ngoài Bình. Bình đã an ủi anh khi anh buồn, đưa anh đi nơi đây nơi đó, đi ăn cơm, đi xi nê với anh để cho anh khuây khỏa đỡ nhớ nhà. Bình thông cảm với nỗi u sầu của Hoàng vì bấy năm trước khi Bình mới đến Mỹ anh cũng có những cảm xúc đó, anh cũng nhớ nhà, cũng cảm thấy cô đơn.

Hoàng cảm thấy nao nao khó chịu trong lòng vì anh vẫn còn luyến tiếc cái nơi được coi là sống động nhất nước Mỹ. Nữ Ước chẳng là nơi dành cho những kẻ có tham vọng lớn, những kẻ muốn thành công vẻ vang, muốn được nổi tiếng hay sao? Và anh đã muốn sống một nơi như thế, anh đã muốn sự thôi thúc của công danh, anh đã muốn được thử cái không khí ganh đua để được kích thích, để bị lôi cuốn theo, để anh có thể thử sức mình xem mình có thể làm đến đâu, đi bao xa. Vì thế, khi phải xa rời Nữ Ước, anh có cảm tưởng như sắp sửa mất đi một cái gì quý báu mà không làm gì được để giữ nó lại. Tình cảm của anh đối với Nữ Ước cũng đã khá sâu đậm.

Nhưng buồn thì buồn, thời gian cũng trôi đi, chẳng bao lâu anh đã tới phi trường Kennedy. Bình không muốn anh bị rịn nên không chịu đợi xe tại gara tiễn chân anh lên máy bay. Bình thả anh nơi vỉa hè ngay chỗ có cửa đi vào phi trường. Hoàng bắt tay bạn rồi bước tới, anh không quay đầu nhìn Bình, anh không muốn luyến tiếc quá khứ. Từ phút đó trở đi, anh không còn muốn lưu luyến Nữ Ước nữa, vì có lưu luyến cũng vô ích, anh muốn nhìn tới tương lai, tới California, nơi anh sẽ đến.

Chiếc máy bay cất cánh đúng giờ. Hoàng đã ngồi trong ghế của mình suốt chuyến bay. Anh cũng chẳng buồn ăn bữa cơm người tiếp viên dọn cho anh, anh không thấy đói và chỉ uống một ly nước. Tâm hồn anh đang ở trong một trạng thái buông khuâng. Anh nghĩ đến những ngày sắp tới với một cảm giác nửa vui nửa buồn. Anh đã chần chừ mãi không chịu đi California, một phần vì anh đã sống quen tại Nữ Ước, anh đang có công ăn việc làm, tuy không kiếm được nhiều tiền nhưng chắc ăn. Anh đi San Francisco vì Nga muốn anh về gần gia đình chị Sơn và những người bà con thân thuộc khác. Nàng sợ anh cô đơn khi phải sống một mình ở Nữ Ước, không có ai gần gũi. Hơn nữa, đi San Francisco, anh sẽ được anh Sang và anh Trương là hai thầy giáo giới thiệu anh đi dạy học ở một trường trung học. Công việc này sẽ hợp với

khả năng của anh và tương đối ổn định mà lương cũng khá hơn là những việc tay chân mà anh đang làm.

Từ trong thâm tâm, Hoàng không muốn trở lại cái nghề cũ mà anh không thích. Ngày còn ở Saigon, anh đã bỏ cái nghề bạc bẽo đó. Anh đã lăn lộn tại các tỉnh lẻ, đi dạy ở các trường Sadec, Vĩnh Long, Mỹ Tho, trước khi được chuyển về Saigon. Dạy một trường không đủ sống, anh đã phải đi dạy thêm tại các tư thực, tuần nào cũng dạy bốn năm chục giờ trong khi trên nguyên tắc thầy giáo chỉ dạy 16 giờ, còn để thì giờ soạn bài chấm bài, và nghỉ ngơi. Nghề đi dạy coi thể nhưng nhọc nhằn hơn nhiều nghề khác, ai có vào nghề mới thấu hiểu. Sau mười năm làm giáo sư, anh đã quyết định đổi nghề và đã trở thành luật sư. Nhưng chưa vào nghề mới được bao lâu thì Cộng Sản vào, anh đã phải đổi đời đi đập xích lô sinh sống. Nay Nga lại muốn anh trở về với cái nghề mà anh không ưa tí nào, nhưng hoàn cảnh bó buộc, anh sẽ tạm làm cho đến một ngày đẹp trời nào đó anh lại có thể đổi sang một nghề khác. Âu đó cũng là duyên nợ, anh nghĩ. Vạn bất đắc dĩ, anh phải đi San Francisco. Đâu còn chọn lựa nào khác?

Hoàng đã nghĩ đến quá khứ, đến những ngày tươi đẹp của thời xưa tuy không sung sướng nhưng cũng không đến nỗi cực khổ. Anh bỗng thấy hiện ra trong đầu bao nhiêu hình ảnh vui buồn, bao nhiêu bộ mặt của những người thân yêu, những lời nói, những hành động, cả những biến cố đã xảy ra mà anh đã chứng kiến. Lâu lắm anh không có dịp nào trở về với dĩ vãng vì không có gì thúc đẩy anh moi móc trong tiềm thức những gì chôn chứa nơi đó từ bao lâu rồi. Anh thấy tâm tư anh nặng trĩu, lòng anh như bị cào xé, để rồi quá mệt mỏi anh lặng người đi vào giấc ngủ lúc nào không hay.

Hoàng tỉnh giấc khi người nam tiếp viên vỗ vai anh báo cho anh biết phi cơ sắp đáp xuống phi trường San Francisco và bảo anh cho chiếc ghế trở về vị trí thẳng đứng. Anh bồi hồi bấm chiếc nút bên tay ghế và đưa mắt nhìn qua cửa sổ phi cơ. Trời hôm ấy xanh và nhìn xuống dưới anh thấy một vùng lớn rộng nước xanh biếc mà anh đoán là biển, là nước của Thái Bình Dương. Anh biết Cựu Kim Sơn nằm bên biển Thái Bình vì trên con đường định cư, anh đã ghé qua nơi đó khi đến từ Singapore. Anh nghe nói Cựu Kim Sơn là một thành phố đẹp có hạng trên thế giới và khí hậu nơi đó tựa như khí hậu của thành phố Đà Lạt. Anh tự hỏi rồi đây anh có sẽ lập nghiệp nơi đó, hay rồi sẽ tung cánh bay đi nơi khác.

Máy bay đã đáp xuống và đã đậu bên chiếc cầu kín đưa vào phi trường. Hành khách đã lục đục đi xuống, Hoàng từ từ đi theo đám đông đang lũ lượt bước theo những hành lang dài đưa xuống tầng dưới nhà nơi hành khách chờ lấy lại hành lý. Anh chạy đi lấy một chiếc xe đẩy và đặt chiếc vali lớn bằng da màu vàng lên xe. Anh vừa từ từ đẩy xe ra phía cửa thì thấy bóng dáng chị Sơn và anh Cương xa xa đang vẫy tay ra hiệu cho anh biết họ đang chờ

đón anh nơi đó. Buổi gặp gỡ thật là cảm động, sau hàng loạt bắt tay, là những lời nói bù ngùi đầy chân tình. Đã hơn mười năm anh chị em không thấy nhau, và có ai dè có ngày nay? Kẻ đã ra đi và kẻ lờ ở lại đâu có dễ gì thấy lại được nhau? Ôi thật là may mắn, thật là phúc đức.

- Trông chú vẫn đẹp trai như xưa. Có gầy đi một chút nhưng trông còn trẻ lắm! Sao chú đi đường có mệt lắm không? Có bị say sóng không?
- Cám ơn chị! Em rất mừng được chị và anh ra đón và em cám ơn anh chị nhiều. Nhưng sao anh chị lại đi xa thế cho mệt?
- Bên này lái xe bốn năm chục miles là chuyện thường chú ơi! Không có gì đâu! Chú đến mà không ra đón sao được?

Sau vài phút, nói chuyện với chị Sơn, anh Cường dẫn hai người đàn ông lạ mà Hoàng thấy đứng bên anh tử nầy đến giờ đến gần và giới thiệu với anh:

- Đây là Ông Sang, chú của anh và đây là anh Trương mà chú đã từng nói chuyện qua điện thoại.
- Chào hai anh! Tôi là Hoàng như anh đã nghe biết! Tôi cám ơn hai anh đã có lòng giúp tôi!

Anh Trương mỉm cười và đưa tay ra bắt tay Hoàng:

- Thôi khách sáo làm gì anh Hoàng? Khỏi phải cám ơn! Anh em cả mà! Anh sang đây nhập bọn tụi tôi là vui rồi!

Còn anh Sang chỉ bắt tay Hoàng rồi đứng đó mỉm cười, không nói gì cả. Có thể anh đang nhớ lại ngày anh đến San Francisco, vài năm trước đó? Kỷ niệm đó ai chẳng ghi nhớ trong lòng? Cả bọn đứng nói chuyện một lúc rồi anh Trương lên tiếng hỏi anh Cường và chị Sơn:

- Bây giờ thế nào đây? Anh Hoàng về với bọn tôi hay về với anh chị?
- Chú Hoàng, chú nghĩ sao?
- Em thì sao cũng được. Nhưng có lẽ anh chị để em về với anh Sang và anh Trương, vì các anh ấy còn phải lo chỗ ở cho em! Khi nào tương đối ổn định, em sẽ xuống thăm anh chị. Được không ạ?
- Chú nghĩ thế cũng phải. Thôi chú đi với các anh ấy, anh chị về. Mong sẽ gặp lại chú trong vòng một vài tuần tới.

Hoàng tính đẩy xe đi nhưng anh Trương nhanh nhẩu:

- Đưa đây, tôi đẩy cho anh. Anh mới trên máy bay xuống còn chóng mặt, đi còn chưa vững!
- Cám ơn anh!

- Lại cảm ơn nữa! Có gì mà anh cứ cảm ơn đi cảm ơn lại? Tối nay anh sẽ tạm nghỉ nhà một anh bạn trong nhóm giáo sư ở đây, rồi mai tính nghe anh!
- Giáo sư người Việt mình ở đây có đông không anh?
- Ngoài anh Sang và tôi ra, còn chừng chục người nữa. Rồi anh sẽ gặp hết các anh em đó mà. Cứ từ từ. Chúng tôi phải tìm chỗ ở tạm cho anh trước tiên, rồi sẽ kiếm phòng thuê sau. Thứ hai anh sẽ đến học khu nhận việc. Mọi chuyện, tôi đã lo từ lâu, chỉ chờ ngày anh qua. Sao lâu quá không thấy anh qua vậy? Chắc lại đào giữ chân lại chứ gì?

Anh Trương nhìn Hoàng và cười lên tiếng! Anh nói đùa:

- Đẹp trai như anh chắc nhiều bà mê lắm!
- Anh cứ nói vậy chứ tôi chẳng quen ai hết!
- Anh khỏi giấu tội tôi. Rồi mọi chuyện cũng sẽ bị phanh phui ra hết! Giấu sao được!

Ba người lên xe, và anh Trương lái đi. Từ phi trường về đến thành phố cũng phải mất hai mươi phút. Cựu Kim Sơn vào mùa Xuân cây cỏ xanh tươi, trên xa lộ anh thấy hoa nở, anh rất ngạc nhiên vì ở Nữu Ước anh ít thấy cây cối trên xa lộ. Khí hậu cũng dễ chịu, vì cái man mát gợi lại cho anh khí hậu của Đalat, thành phố nghỉ mát bên Việt nam, quê hương xa xôi của anh. Vào đến San Francisco, anh thấy quang cảnh cũng khác không giống Long Island, nơi anh đã sống hơn một năm trời. Nhà cửa ở đây là những phố lâu có lối kiến trúc lạ mắt, anh chưa thấy bao giờ. Sau này anh được biết đó là lối kiến trúc Victorian, giống như bên Anh Quốc. Anh có cảm tưởng đường phố lớn rộng và dài hơn, trông rất đẹp mắt. Chẳng thế mà anh nghe nói Cựu Kim Sơn là một trong những thành phố đẹp nhất thế giới, hàng năm có cả triệu du khách đến viếng thăm. Anh nhớ lại bài ca tên gì anh không biết trong đó người nam ca sĩ cứ hát đi hát lại câu " I left my heart in San Francisco." Tự dưng anh cảm thấy sung sướng sẽ được sống tại thành phố này. Mùa Xuân là mùa hy vọng, anh ước mơ anh sẽ có được một cuộc sống thoải mái hơn nơi đây. Anh tự nhủ "Nếu không có gì bất hạnh xảy ra, mình sẽ chọn nơi này làm nơi sống nửa phần còn lại của cuộc đời mình."

Chiều hôm đó Hoàng về ở tạm nhà anh Thế, một giáo sư Lý Hoá, trước kia tốt nghiệp trường Nông Lâm Súc Saigon. Thế nhỏ hơn anh cả chục tuổi và mới lấy vợ. Hai vợ chồng trẻ này thuê một căn phòng ở tầng dưới một căn nhà và tạm cho anh trú đở đêm nay. Anh thấy hơi áy náy, vì căn phòng nhỏ như vậy lấy đâu ra chỗ cho anh nằm? Nhưng anh Trương đã thu xếp như thế thì anh đành chịu. Sáng sớm hôm sau anh Trương đã lại bốc Hoàng đi. Trương đưa anh về nhà mình ăn sáng nghỉ ngơi và đến chiều lại đưa Hoàng đến nhà một giáo sư khác tên Chung. Chung phụ tá cho Trương và cả hai làm việc tại học khu, đặc trách chương trình song ngữ dành cho những học

sinh tị nạn Việt. Chung và vợ đã sang Mỹ từ trước 1975 và hai vợ chồng đã mua nhà riêng, một căn nhà nhỏ ở vùng ngoại ô thành phố. Vợ chồng Chung có hai đứa con nhỏ, đứa lớn là một bé trai năm tuổi, và đứa nhỏ là một bé gái hai tuổi. Đêm, vợ Chung đi làm cho một ngân hàng.

Tối hôm đó, Hoàng ăn cơm với gia đình Chung. Lâu lắm anh không được ngồi cạnh những đứa bé và anh cảm thấy bữa cơm chiều hôm ấy thật êm đềm, thật thú vị. Ăn xong anh ra phòng khách ngồi nói chuyện với Chung. Chung kể lại những ngày anh du học tại Bỉ, những ngày xa xôi đó, anh đã đấu tranh cho hòa bình, anh đã phản chiến. Bao nhiêu buổi họp mặt với những đồng đội, bao nhiêu ngày đi biểu tình đòi ngưng cuộc chiến tranh tại quê nhà, Chung còn nhớ rõ. Khi cuộc chiến chấm dứt vào tháng tư năm 75, anh không trở về Việt Nam sống với Cộng Sản mà lại xin đi tị nạn ở Mỹ. Rồi anh thấy những làn sóng người liêu chết bỏ nước ra đi, đi vượt biển, đi vượt biên, đi để chết ngoài biển cả, đi để chết nơi những rừng âm u bên Kămpuchia. Anh không hiểu tại sao nay hòa bình, người ta lại chịu trả cái giá quá đắt như thế để được tự do? Anh hỏi Hoàng câu ấy. Hoàng bảo anh phải về sống ở Việt Nam anh mới vỡ lẽ, anh mới hiểu sự tàn bạo của chế độ Cộng Sản phi nhân phi nghĩa. Nếu anh chỉ đọc lý thuyết của Marx và Lénine, nếu anh chỉ nghe lời tuyên truyền của Cộng Sản thì anh không bao giờ hiểu được sự mâu thuẫn giữa lý thuyết và thực tế. Anh sẽ không hiểu được tại sao hơn một triệu người lại bỏ lại quê hương thân yêu mà ra đi sống nơi đất lạ quê người.

Sáng sớm thứ hai, Trương đến đón Hoàng đưa anh đi ăn phở rồi đưa đến học khu gặp những người có trách nhiệm phỏng vấn và tiếp nhận anh vào làm việc. Trên đường đến học khu, Trương nói:

- Anh cứ yên tâm, tôi đã chuẩn bị mọi việc đầu vào đó. Tôi mới là người chính chịu trách nhiệm về chương trình Song Ngữ Việt. Anh sẽ gặp và ký giấy tờ nhận việc với một vài người khác mà anh sẽ gặp, nhưng đó chỉ là vấn đề hành chánh. Anh đừng lo.
- Tôi sẽ phải gặp những ai, thưa anh?
- Anh sẽ gặp viên giám đốc chương trình song ngữ của học khu và bà phụ tá hành chính của ông ta. Cả hai người đều là người Mỹ gốc tầu. Họ hỏi gì anh, anh cứ mạnh dạn trả lời, không phải e dè.

Tuy Trương nói vậy nhưng trong lòng anh vẫn thấy lo lo. Tiếng Anh của anh chưa vững, kinh nghiệm dạy bên Mỹ anh chưa có, làm sao không lo cho được? "Nhưng thôi kệ, muốn ra sao thì ra." anh tự nhủ.

Trương đậu chiếc xe nơi sân phía sau của tòa nhà nơi anh làm việc rồi bảo Hoàng đi theo anh. Hai người bước lên những bậc thang đưa vào tòa nhà bên trong. Đi hết một dãy hành lang dài, anh theo Trương bước vào một căn phòng rộng lớn nơi đây có năm bảy bàn làm việc và ngồi sau mỗi bàn là

những nhân viên, Mỹ trắng có, người Á châu có. Đi đến đâu Trương cũng chào hỏi mọi người, vui vẻ cười nói rất thân thiện. Anh đi qua một cánh cửa nhỏ để sang một căn phòng bé hơn bên cạnh. Nơi đây, anh gặp lại Chung và một người Việt khác làm thư ký văn phòng tên Viễn. Trương bảo Hoàng ngồi chơi, chờ anh sang báo cho viên giám đốc và bà phụ tá rằng Hoàng đã sẵn sàng gặp họ.

Khi Hoàng gặp Helen, người phụ tá hành chánh, anh nhận được một tập hồ sơ dày cộm mà anh sẽ phải mang về điền vào, ký tên và nộp lại sau. Rồi Helen đưa anh vào gặp Victor, viên giám đốc. Nghe anh Trương kể lại thì Victor trước kia là tay cận vệ cho người học khu trưởng. Nhờ làm tà lọt giỏi, y được người này ban cho chức giám đốc chương trình Song Ngữ. Y chẳng biết gì về giáo dục, chỉ khôn khéo với cấp trên và trông mong vào cấp dưới để cho việc làm được trôi chảy. Do vậy mà những người biết làm việc như Trương được y trọng vọng và tin cậy. Cái gì anh nói y cũng nghe theo. Trong thời gian hai năm anh làm nơi đây, Trương đã đưa cả chục anh em từ khắp mọi tiểu bang về làm cho học khu. Nhờ anh mà lực lượng giáo sư người Việt ở San Francisco trở nên hùng hậu và các em học sinh Việt ti nạn được các thầy cô Việt trông nom giúp đỡ một cách chu đáo và tận tình.

Victor hỏi Hoàng trước kia ở Việt Nam làm gì, học vấn của anh đi đến đâu, tại sao anh lại muốn làm nhà giáo, cái gì thúc đẩy anh đến với học khu. Anh kể cho ông ta nghe mười năm anh lặn lội đi dạy tại khắp các trường Trung học ở tỉnh lẻ cũng như ở Saigon và năm năm anh làm giảng viên ở đại học. Anh kể lại vụ anh chuẩn bị gần xong luận án tiến sĩ Dân Luật thì Việt Cộng chiếm Saigon. Do đó mà anh phải rời Việt Nam đi tị nạn bên Mỹ. Anh đã sống ở Nữ Ước gần hai năm trước khi được anh Trương tuyển mộ vào làm với học khu. Ước nguyện của anh là giúp học khu đáp ứng được nhu cầu giáo dục của các em học sinh tị nạn người Việt.

Hôm đó Hoàng mặc đồ lớn áo sơ mi trắng bộp, đeo cravate đảng hoàng, trông anh lại trí thức như thời xa xưa, lại đạo mạo như một nhà mô phạm chân chính. Nghe anh nói anh là giảng viên đại học Luật ở Saigon Victor cũng thấy nhột, nhất là khi giọng anh nói chững chạc, đầy tự tin. Chỉ có mỗi điều là anh nói tiếng Anh không giống ai, phát âm không đúng theo kiểu Mỹ, làm cho Victor nhiều khi không hiểu anh muốn nói gì, phải đoán chừng hay đôi khi phải hỏi lại. Trước khi chấm dứt buổi gặp gỡ, Victor mĩa mai:

- Ông có nhiều kinh nghiệm giảng dạy cả trung học lẫn đại học, đó là điều không chối cãi được. Ông lại đậu những bằng rất cao như cử nhân, cao học, tiến sĩ, đó là điều tốt. Chúng tôi cần những giáo sư như ông. Tuy nhiên, ông nói tiếng Anh khó hiểu lắm... Không biết điều đó có làm trở ngại cho việc dạy học ở đây hay không...

Nghe đến đây Hoàng cảm thấy mình bị chạm tự ái. Anh nghĩ anh dạy học sinh Việt chứ có dạy học sinh Mỹ đâu mà cần phải nói cho đúng giọng Mỹ. Anh nói cái gì mà chúng chẳng hiểu. Và lại quan trọng là làm sao giúp cho chúng học hành dễ dàng và mang đến cho chúng một niềm tin. Anh cắt ngang lời nói của Victor:

- Thưa ông tôi biết tôi chưa nói tiếng Anh đúng theo giọng Mỹ để cho ông dễ hiểu. Nhưng ông thử nghĩ nếu ông sang xứ tôi chừng hơn một năm thì ông có nói được tiếng Việt đúng giọng người Việt hay không? Nếu ông gặp lại tôi trong vòng vài ba năm nữa, tôi tin chắc ông sẽ hiểu tôi một cách dễ dàng hơn nhiều.

Victor liền xin lỗi anh. Ông nói ông không cố ý định làm phật lòng anh mà chỉ muốn nói lên một nhận xét tự nhiên. Buổi gặp gỡ chấm dứt. Hoàng trở về văn phòng anh Trương. Vừa thấy anh trở lại Trương hỏi:

- Sao anh gặp Victor vui vẻ chứ?
- Cũng bình thường thôi thưa anh.
- Ngày mai tôi đưa anh đến trường gặp hiệu trưởng. Có thể anh sẽ bắt đầu dạy vào tuần tới.

Sáng hôm sau, Trương đưa anh đến một trường trung học đệ nhất cấp trong thành phố. Anh nói nơi đây có một số học sinh Việt và theo đúng luật của tiểu bang thì trường phải mướn một giáo sư người Việt. Nhưng vì học khu không kiếm ra giáo sư người Việt nên nhà trường đã để một giáo sư Mỹ tạm thời trám chỗ đó. Nay có anh, nhà trường sẽ phải thuê nhận anh và cho giáo sư người Mỹ kia nghỉ. Nghe thế anh đã tiên đoán rằng sẽ có vấn đề, vì ai chịu nhả miếng ăn giữa chừng đâu? Tên giáo sư Mỹ kia đang có việc làm ngon lành đâu muốn anh đến để rồi phải mất chỗ ngang xương?

Quả nhiên khi Trương và anh vào trường tìm gặp người hiệu trưởng thì y trốn tránh, không cho gặp. Chờ cả tiếng đồng hồ mà không được việc gì, Trương bảo anh vào phòng giáo sư ngồi chờ, anh về học khu tìm biện pháp. Tên hiệu trưởng Mỹ trắng đã coi thường anh, không chịu tiếp vì sợ sẽ bị buộc phải nhận Hoàng. Cả ngày hôm đó, Hoàng đã phải ngồi trong phòng giáo sư chờ đợi cho đến chiều khi Trương đến đón anh về. Anh thấy nản và muốn thôi không đi dạy nữa, nhưng số anh khổ nạn. Anh sẽ còn phải chịu bị mặt, anh sẽ còn bực bội, vì thái độ miệt thị của tên hiệu trưởng mất dạy. Anh sẽ căm thù nó và coi nó như đồ bỏ, không thèm chào hỏi nó.

Trương không tìm được cách giải quyết vì xếp của anh là Victor, không hiểu vì lý do gì, cũng không muốn đụng chạm với tên hiệu trưởng da trắng đó. Có thể hẳn có bề thế, hẳn quen biết lớn trên học khu, chính trị của hẳn cao, hẳn chẳng coi người Á châu ra gì. Thật là một chuyện bực mình nhưng Trương

cũng chẳng làm gì được. Anh tức lắm nhưng anh biết đang ở xứ người, mình đành phải chịu lép vế. Trương bảo anh ngày nào cũng đến ngồi nơi phòng giáo sư, ngồi suốt ngày, không làm gì nhưng vẫn ăn lương, cho đến khi tên hiệu trưởng phải tính chuyện mới thôi. Sau hai tuần ngồi như vậy, sau khi bị những giáo sư gốc Á Châu trong trường xì xào bàn tán, lên tiếng chỉ trích, tên hiệu trưởng bèn nhượng bộ. Y đành để cho Hoàng dạy hơn một tháng cho đến hết năm học ấy, rồi năm sau y không nhận anh nữa. Trong thời gian hơn một tháng đó anh ăn lương công nhật, đến 15 tháng sáu, trường nghỉ hè, anh không còn công việc làm nữa, anh đã thất nghiệp, anh lại gặp bà cả đội trở lại.

Mặt khác, Hoàng không biết làm sao tìm được nơi thuê để có chỗ ở của mình hầu khỏi phải ở nhờ nhà bạn. Mới đến San Francisco, anh chẳng quen ai để nhờ giúp đỡ. Trương bảo anh cứ ở tạm nhà Chung nhưng anh thấy bất tiện vì nhà chỉ có hai phòng nhỏ, một cho hai vợ chồng Chung, một cho hai đứa bé. Tối đến anh nằm ngủ trên chiếc ghế dài nơi phòng khách. Anh ngủ đâu cũng được, anh không quản ngại, không đòi hỏi phải nệm êm chăn ấm. Nhưng ở nhờ nhà người khác tức là làm phiền chủ nhà, mặc dù hai vợ chồng Chung rất tốt, không tỏ vẻ khó chịu. Anh mong mỗi sớm thuê được một căn phòng riêng nho nhỏ để có thể sống ổn định, không thắc mắc.

Trong thời gian anh ở nhà bạn, sáng ra anh dậy sớm đi ra bến lấy xe buýt đi làm. Chiều ở trường ra anh đi lang thang một lúc rồi mới trở về nhà. Nhiều khi hai vợ chồng Chung vẫn chưa về. Đi làm ra, họ còn đi đón con, đi chợ, hay đi mua những thứ lặt vặt, hay đi chơi, bảy tám giờ tối mới về. Anh cứ ngồi soạn bài dạy cho hôm sau hay xem truyền hình. Những ngày đó sao anh thấy chán đời; ở cái tuổi 40, anh vẫn còn phải sống lang bang, vô gia cư, vô nghề nghiệp, tương lai vẫn còn mịt mờ.

Anh ở với gia đình Chung được tám ngày thì một buổi chiều thứ năm anh Sang ghé lại, đón anh đi. Lên xe rồi, Sang mới nói rằng anh đã tìm được một gia đình quen có thể nhường cho Hoàng một phòng. Anh sẽ dẫn Hoàng đến gặp nói chuyện và nếu mọi chuyện tốt đẹp đến thứ bảy Hoàng có thể bắt đầu đến ở với họ:

- Gia đình ông bà Đoàn là chỗ tôi quen biết, do đại tá Vinh giới thiệu. Đại tá Vinh là bạn học cùng khoá Nam Định với tôi. Trước 75, ông ấy làm trong Phủ Tổng Thống. Bây giờ ông ta làm việc cho thành phố. Chị Vinh trước đây cũng làm trợ giáo trong học khu mình, do anh Trương đưa vào. Nghe đâu ông bà Đoàn có họ hàng gì với chị Vinh.
- Chắc anh đã nói chuyện với ông bà Đoàn rồi?
- Chưa, tôi chưa gặp họ bao giờ. Nhưng chị Vinh nghe tôi nói chuyện về anh, chị ấy thông cảm và muốn giúp anh. Anh ở đây, tôi nghĩ, sẽ rất dễ chịu. Gia đình này chỉ có hai đứa con khoảng mười mười lăm tuổi.

Họ ở một căn nhà rộng lớn, ngay gần trường đại học của thành phố. Nếu anh đi học, sẽ rất tiện. Anh chỉ cần đi bộ, khỏi kiếm chỗ đậu xe.

- Tôi làm gì có xe mà đậu hay khỏi...
- Rồi anh cũng phải mua xe. Ở đây không có xe cũng như quê! Chờ xe buýt thì hết thời giờ!

Anh Sang năm ấy chắc cũng đã 50. Trông anh già dặn, rất nghiêm chỉnh. Trước kia, anh làm ở trường Sinh Ngữ Quân Đội và anh đã từng được gởi đi Mỹ tu nghiệp. Dù đã lớn tuổi nhưng anh vẫn chưa lập gia đình, anh sống hòa đồng với anh em và được mọi người kính nể, gọi anh là "người anh cả". Mặc dù anh là chú của Cương, người anh họ của Hoàng, nhưng Hoàng vẫn kêu anh bằng "anh" vì hai người là đồng nghiệp. Do sự móm nối của Nga, vợ anh, với chị Sơn vợ anh Cương mà anh Sang biết anh và giới thiệu anh với Trương. Tất cả mọi người đều biết chuyện Hoàng suýt chết bên Kămpuchia khi vượt biên đường bộ, ai nấy đều muốn gặp anh cho biết mặt.

Chẳng bao lâu sau hai người đến trước một căn nhà hai tầng trông đồ sộ, trong một vùng yên tĩnh dành cho giới trung lưu. Anh Sang nhấn chuông và một đứa con gái chừng 15 tuổi ra mở cửa mời anh vào. Bên trái hành lang là phòng khách lớn. Hoàng theo anh Sang vào ngồi nơi salon chờ đợi. Vài phút sau, chủ nhà, một người đàn ông tuổi chừng 50 ra tiếp khách. Anh Sang tự giới thiệu trước, sau đó giới thiệu Hoàng với người đàn ông chủ nhà. Ông Đoàn nói:

- Thưa anh, anh chị Vinh đã có nói chuyện về hai anh với chúng tôi. Mời hai anh ngồi chơi. Xin lỗi hai anh, nhà tôi còn bận tí chuyện, chút xíu nữa sẽ ra tiếp hai anh.

Vài phút sau, một người đàn bà tuổi chừng 40, vẻ mặt sáng sủa, đeo kính cận, ăn mặc lịch sự đi vào phòng khách. Anh Sang đứng dậy nói:

- Chào chị. Nghe chị Vinh nói chuyện về chị đôi ba lần, nay mới được gặp...
- Xin anh cứ ngồi. Bà cô tôi cũng thường nhắc đến các anh, nhất là anh và anh Trương, nhưng có khi nào được gặp các anh đâu. Thật hân hạnh cho chúng tôi hôm nay được tiếp chuyện anh...
- Thưa chị, chắc chị biết hôm nay chúng tôi đến gặp chị về vụ gì rồi chứ a?
- Thưa vâng. Chuyện ông thầy đây phải không, thưa anh?

Người đàn bà quay sang nhìn Hoàng, ánh mắt sáng, đôi môi chúm lại, như muốn tùm tùm cười. Bấy giờ đứa bé gái đã bung nước trà ra. Mẹ nó lấy những chén trà từ trên khay đặt xuống trước mặt khách.

- Mời anh Sang uống chút nước trà! Mời ông thầy!

Quay sang con gái, bà nói:

- Con chào hai ông thầy đi con!
- Chào hai thầy! đứa bé gái nói.
- Chào con. Con học trường nào? Anh Sang hỏi.
- Dạ thưa Washington ạ.
- Ở trường con có thầy giáo Việt nào không?
- Dạ thưa có thầy Trần.

Quay sang Hoàng anh Sang nói:

- Anh Khánh, Trần Khánh. Trưa ngày mốt anh sẽ gặp Khánh tại nhà anh Trương.

Và anh nhìn về phía hai vợ chồng ông Đoàn, anh giải thích:

- Thưa anh chị, trưa thứ bảy anh em chúng tôi họp tại nhà anh Trương. Nếu anh chị rảnh, xin mời anh chị đến chơi.
- Dạ, thưa cảm ơn anh.

Đứa con gái đã đi vào nhà trong. Ngập ngừng một lúc, người đàn bà nói:

- Về chuyện ông Thầy đây, thưa dưới nhà có ba phòng, nhưng đã có mấy cậu sinh viên thuê. Bây giờ chỉ còn căn phòng bên kia, là phòng ăn, vẫn còn trống vì chúng tôi không dùng phòng ăn. Nếu ông thầy chịu...
- Nếu được xin chị cho tụi tôi qua coi...
- Thưa được, mời anh và ông thầy...

Sang và Hoàng bước ra cửa theo bà chủ nhà để sang phía bên kia hành lang. Bà mở chiếc cửa lớn có ô kính, phía sau có rèm nhung. Căn phòng, khá lớn nhưng trống trơn, nhìn xuống đường. Thật là lý tưởng, Hoàng nghĩ. Phòng gần cửa ra vào, rất tiện cho anh đi về, khỏi phiền đến ai. Lúc buồn, anh có thể ngồi nhìn ra đường mà mơ mộng. Anh Sang cũng gật gù ra vẻ hài lòng. Anh nói:

- Thưa chị, phòng tắm ở đâu?
- Ông thầy sẽ phải xài chung nhà tắm với tụi tôi. Nhà bếp ở ngay bên cạnh đây, có tủ lạnh, ông thầy cứ dùng.

Hoàng nói, giọng đờm vẻ lo lắng:

- Thưa chị, mỗi tháng tôi sẽ gửi anh chị bao nhiêu?

- Ông thầy đưa bao nhiêu cũng được mà. Trong nhà cả. Đâu có sao?
- Xin chị cứ cho biết cho dễ tính... Anh Sang nói.

Ngặt ngừng một chút, người đàn bà quay sang ông chồng:

- Một trăm chắc được há mình há?
- Em tính sao cũng được mà!
- Thôi, ông thầy đưa trăm rưỡi một tháng, kể luôn tiền điện, nước, rác.

Hoàng như thở phào ra. Anh tưởng nhà sang như vậy anh sẽ phải trả ba bốn trăm thì tiền đâu mà có?

- Thưa chị tôi có thể dọn vào liền?
- Vâng, bất cứ lúc nào thuận tiện cho anh. Để tôi đưa anh chìa khoá cửa. Anh cứ mở cửa vào, khỏi gọi cửa.

Hoàng cầm chiếc chìa khoá, bỏ vào túi. Anh Sang xin kiếu và hai người ra về. Trên xe anh Sang nhắc Hoàng:

- Ở bên Mỹ ông phải trả tiền nhà vào đầu tháng, và ông phải đóng tiền thế chân thêm một tháng tiền nhà. Vậy thứ bảy, khi dọn tới ông nhớ hỏi bà Đoàn cho chắc ăn.

Nghĩ một lúc anh nói thêm:

- Để từ từ, tôi sẽ kiếm cho ông một cái bàn con và cái ghế. Ông phải lo mua giường mà nằm chứ nằm đất coi khổ quá!
- Vâng được, anh khỏi lo. Cám ơn anh đã tìm cho em, chỗ này tốt hết sức!
- Mình may có chị Vinh giúp, nếu không thì mình cũng chưa tìm được nơi nào đâu. Nhà thì nhiều, nhưng biết ai mà hỏi?

Sáng thứ bảy, Hoàng ăn sáng với gia đình Chung rồi anh cám ơn hai vợ chồng người bạn mới quen:

- Cám ơn anh chị đã có lòng tốt giúp đỡ tôi. Nay tôi đã kiếm được chỗ ở, xin phép anh chị, tôi đi. Tôi thật sung sướng được biết anh chị. Bọn mình sẽ là bạn mãi mãi.

Diễm, vợ Chung trả lời:

- Tụi em cũng rất mừng được gặp anh. Rất tiếc nhà nhỏ, tụi em không có phòng riêng cho anh nên không giữ anh lại lâu hơn. Michael và Judy bắt đầu mễn anh rồi đó. Lâu lâu anh ghé lại chơi kéo chúng nó nhé.

Chung nói thêm:

- Tụi mình sẽ còn gặp nhau đều. Chúc anh nhiều may mắn và sớm ổn định cuộc sống. Bọn này cũng mong chị và các cháu sớm được qua đây với anh. Có chuyện gì bọn này giúp được anh, xin anh cứ cho bọn này biết.

Hoàng bắt tay Chung và xách chiếc va-li lớn ra đi. Anh lể mể leo lên xe buýt. Lát sau anh hí hoạch xách chiếc va-li xuống rồi đi bộ đến căn nhà trọ ở cách đó 500 thước. Đến nơi, anh đang dừng chân nơi thềm nhà để thở cho đỡ mệt thì cánh cửa bỗng mở và Đoàn hiện ra nơi khung cửa. Anh nói:

- Uà, anh đến hồi nào mà không vô nhà? Bộ anh lạc mất chìa khóa rồi hay sao?
- Đâu có, tôi vừa tới. Sách theo cái chiếc vali lớn này mệt quá, tôi đứng nghỉ một chút. Vừa tính vào nhà thì anh ra.

Có tiếng chị vợ ở trong nhà nói vọng ra:

- Mình nói chuyện với ai đó? Chờ em chút xíu em ra liền đây mà!
- Ông thầy tới em à. Em có tính đi liền hay ở nhà tiếp chuyện ông thầy một lúc đã?

Đoàn nói rồi quay sang Hoàng, anh ta nói thêm:

- Tôi tính đưa bà xã tôi đi chợ.

Hoàng nói:

- Anh chị cứ mặc tôi, ở nhà mà làm chi? Cứ đi chợ, chút xíu về tha hồ nói chuyện. Gấp gáp gì?

Người vợ ở trong nhà bước ra chào Hoàng:

- Chào anh! anh đã ăn sáng gì chưa? Để tôi mời anh ăn sáng nghe!
- Cám ơn chị. Tôi đã ăn sáng nhà người bạn. Anh chị cứ đi chợ đi cho được việc. Lát nữa mình gặp nhau.
- Vậy anh ở nhà nhé! À quên, luôn tiện anh có muốn mua gì hay không?
- Tôi chưa biết mua gì chị à. Thôi, anh chị cứ đi chợ đi!

Vợ chồng Đoàn ra đi, anh đóng cửa chui vào trong phòng dành cho mình ngồi nghỉ. Chủ nhà đã kê cho anh một cái bàn nhỏ và một cái ghế, biết rằng anh sẽ không có đồ đạc gì mang tới. Trên bàn có chai nước và một cái ly để

sẵn cho anh dùng. "Bà chủ nhà thật chu đáo! lát nữa mình phải nhớ cám ơn." Hoàng nghĩ trong đầu.

Anh kéo ghế ra ngồi nơi cửa sổ nhìn ra ngoài. Con đường nhỏ vắng tanh, không thấy một bóng dáng người. Có lẽ giờ này ai nấy còn ngủ hay mới thức dậy. Bên Mỹ sau một tuần căng thẳng làm việc ai nấy đều cần nghỉ ngơi cho nên cứ đến cuối tuần là ai nấy ngủ như chết, có người ngủ tới trưa mới thức dậy. Đó là một thói quen bất thường đối với Hoàng vì ở bên nhà không ai biết đến thói đó. Riêng anh đã quen dậy sớm từ bốn năm giờ sáng để đi chạy xích lô, sau này rảnh rỗi, anh vẫn giữ thói quen đó, vẫn thức dậy sớm. Dăm ba tiếng sau khi tỉnh dậy rồi, anh lại ngủ lại được. Những ngày còn ở các trại tị nạn vì không có việc gì làm, lại thêm cái nóng khủng khiếp, anh có thể ngủ bất cứ giờ nào, sáng trưa chiều. Buồn buồn, không biết làm gì là anh lại nằm xuống phản đánh một giấc một hai tiếng đồng hồ, rồi tự đứng dậy tỉnh dậy. Sang đến Mỹ, những tháng sau này ở Nữ Ước, anh lo đi kiếm tiền và phải làm hai ba việc, bảy ngày một tuần, không biết ngày nghỉ là gì, ngày giờ nào anh cũng buồn ngủ. Nay anh làm thầy giáo, anh có nhiều thì giờ rảnh rỗi hơn, anh không còn thiếu ngủ nữa.

Ngồi một lúc buồn, Hoàng quyết định đi bộ một vòng cho biết chỗ mình ở. Anh đi quanh khu nhà ở, đi băng qua hai con đường lớn thì thấy một khu thương xá to và đẹp. Khi đến gần anh nhìn thấy biển ghi tên khu này là Stonestown Galleria. Anh chỉ đi bên ngoài, anh thấy có cửa tiệm Merrill's giống như bên Nữ Ước. Anh nghĩ sao nước Mỹ lớn như thế mà có cùng một cửa tiệm khắp nơi. Đi băng qua một sân đậu xe mênh mênh, anh đến một khu vực có những tòa nhà cao không có hàng rào. Anh đoán ngay đây là trường đại học thành phố mà anh Sang đã nói với anh hôm trước. Quả nhiên khi đi đến đầu đường anh thấy bảng tên trường: "San Francisco State University." Anh tính đi vào khu trường xem nhưng nghĩ mình đi cũng đã khá xa, phải quàn về vì còn phải gặp chủ nhà nói chuyện tiền bạc cho xong. Khi anh về đến nhà thì anh chị Đoàn đi chợ vẫn chưa về.

Anh đi vào phòng khách tính mở truyền hình coi thì gặp bé Luân đang coi. Anh ngồi chơi, hỏi chuyện nó một lúc và khi anh đứng dậy tính trở về phòng mình thì hai vợ chồng Đoàn về. Thấy hai người ôm đồm nhiều túi đồ, anh sách giùm hai túi theo người vợ vào nhà bếp. Đoàn đã trở xuống xe lấy nốt đồ.

Anh nhìn chị Đoàn xếp đồ vào tủ trên tường và tủ lạnh. Khi mở tủ lạnh, chị chỉ vào một ngăn và nói:

- Chút nữa, tôi sẽ dọn sạch ngăn này và sẽ để dành ngăn đó cho ông thầy để đồ. Tôi sẽ dọn ông nhà tôi và các cháu để khỏi xài làm đồ của ông thầy.

- Cám ơn chị, chị thật chu đáo. Nhưng tôi sẽ chẳng có gì nhiều, chị cứ dành cho tôi một chỗ nhỏ là đủ rồi.
- Không sao. Ông thầy cứ giữ nguyên một ngăn cho dễ biết, kéo lộn mất công lắm! Còn muốn nấu gì, nồi niêu song chảo thầy cứ xài. Không sao, chúng tôi coi ông thầy như người trong nhà.
- Cám ơn anh chị nhiều lắm! Được anh chị giúp đỡ, tôi thấy rất quý.

Anh Đoàn trở lên, đặt những túi đồ chợ trên bàn bếp rồi nói với Hoàng:

- Anh ra phòng ngoài này ngồi chơi. Tội gì mà ngồi trong nhà bếp.

Hoàng đứng dậy đi theo Đoàn ra phòng khách. Thăng Luân thấy bố mẹ về đã tắt truyền hình đi vào phòng nó.

Hai người nhắc lại những ngày còn ở bên nhà. Hoàng kể chuyện gia đình anh đi vượt biển không thoát, bị tù cả đám. Đoàn nói số anh rất may mắn. Sau ngày Việt Cộng tràn vào miền Nam anh vẫn đi buôn thuốc tây như trước, từ Saigon về Mỹ Tho, nơi gia đình anh sinh sống. Gia đình anh chỉ đi vượt biên có một lần là thoát. Anh đã mua ghe, đứng ra chạy bọn cán bộ địa phương nên đã đi được ngon lành. Anh chở theo cả gia đình hai người em vợ và các cháu con người anh ruột. Thêm vào đó là khoảng hai chục người ngoài góp tiền cho anh để được đi theo, toàn là những người anh đã quen biết ở Mỹ Tho. Ghe anh đi có ba ngày là đến Thái Lan, không bị cướp gì hết, thật suông sẻ. Đến Mỹ vào năm 1979, anh đã học nghề sửa xe hơi, vợ anh đã học kế toán. Anh không đi làm cho ga ra mà chỉ sửa xe ở nhà cho khách quen, vì anh đã lớn tuổi không muốn cực. Vợ anh đi làm cho một cửa hàng thương mại nơi trung tâm thành phố. Chị đi làm bằng xe buýt vì tiện đường xe, sáng sớm 7 giờ đã phải ra khỏi nhà, chiều 6 giờ mới về. Con gái anh cũng đi học bằng xe buýt vì trường học ở xa. Anh nói anh thuê căn nhà này của một người quen đã dọn đi miền nam Cali làm ăn. Vì nhà lớn và tiền thuê cao nên anh đã cho ba sinh viên và một đứa cháu trai ở dưới nhà. Họ sống biệt lập, vì dưới nhà có nhà tắm nhà bếp riêng biệt, có lối ra vào riêng ở bên hông nhà. Anh không tính cho ai ở chung trên nhà nhưng vì nể ông cậu vợ là đại tá Vinh, anh chịu để cho Hoàng ở chung. Hoàng nói anh cũng hiểu như vậy và anh hứa sẽ cố giữ gìn, không gây phiền phức cho ai. Khi anh ngỏ ý muốn gởi tiền nhà thì Đoàn nói đã gần đến cuối tháng nên sẽ tính tiền nhà từ đầu tháng tới thôi và bảo Hoàng đưa tiền cho tháng tới và một tháng đặt cọc.

Những ngày tháng đầu tiên tại San Francisco trôi qua khá nhanh chóng. Lần lần Hoàng đã quen với cuộc sống tại gia đình anh Đoàn. Anh đã làm quen với những thanh niên sống ở tầng dưới nhà:

- Kiệt, một thanh niên 27 tuổi, là cháu của anh Đoàn, đã đi vượt biên cùng với gia đình anh Đoàn. Kiệt đi học tại City College ban ngày và buổi tối đi làm cho các nhà hàng để sống. Anh đã để dành tiền mua được một chiếc xe hơi cũ. Kiệt thường đưa các bạn trong nhóm đi ăn nhậu hay đi chơi. Cả bọn thường chui vào xe của Kiệt để đi Reno đánh bạc hay đi uống rượu vào tối thứ sáu.
- Loan, bạn của Kiệt tại City College, là một thanh niên 24 tuổi, đã vượt biên một mình, bố mẹ và các em còn ở Việt Nam. Loan cũng đi học ban ngày, ban đêm đi làm nhà hàng cùng với Kiệt. Hai đứa thân nhau, làm cái gì cũng làm chung, đi đâu cũng đi với nhau. Kiệt và Loan ở chung một căn phòng rất lớn, nơi mà cả bọn thường tụ họp lại để ngồi chơi, đánh cờ tướng, hay nói chuyện với nhau.
- Xuân khoảng hơn ba mươi là một công tử Hà Nội được học bổng đi du học bên Nhật vào năm 80 và đã lợi dụng cơ hội đó bỏ trốn vào tòa Đại Sứ Mỹ. Anh đã được bốc đi Đức rồi đưa về Mỹ. Anh đã gặp Kiệt tại City College và đã được Kiệt kéo về ở chung nhà. Xuân ở trong một căn phòng riêng không lớn lắm bên cạnh phòng của Kiệt và Loan. Xuân học chương trình điện toán tại một trường tư và có triển vọng trở nên một tay viết chương trình giỏi.
- Và chót hết là Vinh, một sinh viên học tại City College. Anh tuổi chừng hai mươi tám, ba mươi đầu tóc bù xù, để râu, trông rất bí mật, ít nói năng, không thích giao du nhiều với bọn kia. Vinh sống riêng biệt trong một căn phòng nhỏ chỉ vừa để một cái giường và một bàn con. Anh sống biệt lập với bên ngoài, vì cửa vào buồng anh lúc nào cũng đóng kín, lúc anh đi vắng cũng như khi anh có mặt ở nhà. Nhìn ổ khóa móc ở cửa thì biết anh đi vắng. Thiếu cái khoá đó thì biết anh ở nhà. Chỉ họa hoằn mới thấy Vinh sang ngồi chơi với ba người bạn cùng ở tầng dưới nhà.

Cứ chiều thứ sáu hay những ngày cuối tuần, Hoàng xuống nhà dưới ngồi chơi với các bạn. Anh thường chơi với Xuân nhiều hơn, vì Xuân tính nết già dặn và có học thức khá. Nghe nói khi Xuân còn ở Hà Nội, anh là chuyên viên phụ tá cho tên cục trưởng cục dầu hỏa. Xuân thích làm quen với mọi người, và anh đã mần mò làm quen với hầu hết những giáo sư trẻ người Việt trong học khu. Cứ thứ bảy đến là Xuân đi chơi với họ, riết chuyện gì xảy ra trong đám giáo sư Việt ở San Francisco, anh đều biết. Hoàng mới đến, không quen biết ai, anh chỉ nghe Xuân kể chuyện là biết về những đồng nghiệp của anh, từ tính nết đến sở thích, khả năng, hay đôi khi cả những chuyện bí mật vợ chồng của họ. Anh không hiểu làm sao mà Xuân lại biết nhiều chi tiết như thế. Có thể vì anh sống lâu dưới chế độ công an trị Hà Nội, anh có những phương pháp điều tra, tìm hiểu riêng của bọn Cộng Sản.

Hoàng ít khi nào đi ăn, đi chơi với những thanh niên sống ở tầng dưới nhà. Bây giờ anh đã bắt đầu trở về với một cuộc sống nghiêm chỉnh, trở về với

con người thật của anh, anh phải nghĩ đến tương lai, không những tương lai của anh mà là cả tương lai của gia đình anh nữa. Anh có nhiệm vụ phải chuẩn bị cho cái ngày gia đình anh sang được đến Mỹ, vì anh đã ra đi chẳng vì vợ con hay sao? Những lúc rảnh rỗi, Hoàng nằm tính toán cho cuộc đời của mình. Anh thấy anh đã mất nửa cuộc đời anh cố gắng xây dựng ở Saigon nhưng anh còn nửa cuộc đời để sống trên đất Mỹ, nửa cuộc đời còn lại để phấn đấu, để đi tìm những gì mà anh đã mong mỏi mà không có được. Thời thế đã không cho phép anh đi hết con đường mà anh đã tự vạch cho mình khi anh còn ở cái tuổi thanh niên. Con đường đó anh đã đổ mồ hôi nước mắt để cố theo, nhưng nó chẳng đưa anh đến đâu. Nay anh đang đứng ở một ngã ba của cuộc đời, anh lại phải chọn một con đường mà đi: con đường dễ dàng nhưng sẽ không đưa anh đi đến đâu hay con đường gai góc nó sẽ đưa anh đến tận cái đích mà anh muốn.

Anh nhớ ngày anh mới đến Mỹ, anh đã biên thơ cho họ hàng bạn bè hỏi ý kiến. Không ai khuyên anh đi con đường khó khăn và dài hết. Ai cũng nói rằng trên đất Mỹ chẳng cần phải lên cao mới đạt được hạnh phúc vật chất, làm nghề nào cũng kiếm được ra tiền để sống sung sướng, nhà cửa xe hơi đầy đủ. Nhưng anh đã nghĩ anh không chỉ sống cuộc sống vật chất. Anh có những nhu cầu tinh thần, những thôi thúc tiềm tàng bên trong muốn anh làm một cái gì để không xấu hổ với chính mình. Anh tự bảo ngày nào anh còn đủ sức để phấn đấu, đủ nghị lực để tìm con đường vươn lên, đủ ý chí để tiếp tục con đường anh đi dở, đủ can đảm để không đầu hàng, và đủ tự hào để còn muốn là chính anh, thì anh vẫn còn hướng được về tương lai sáng ngời. Bao đêm không ngủ, anh đã tự đo sức mình, tự hỏi xem mình còn ý chí và ước muốn hay không, còn muốn thử lửa nữa hay không. Và nghĩ đến thân phận anh, nghĩ đến thân phận các con anh sau này, anh đã muốn vùng dậy, anh đã muốn là chính anh, con người đầy nhiệt khí, đủ sức lực để còn đấu tranh. Và sáng ra nhìn mình trong gương, anh tự cảm thấy hãnh diện là mình.

"Chú có thể về đây, kiếm cái job technician dễ dàng, lương cũng dư sống ...", "Anh hãy về đây với tôi. Người ta đang cần phụ giáo, lương 10 đồng một giờ ngon lành...", "Nếu anh muốn làm social worker, tôi sẽ giới thiệu anh vào làm với tôi!...", "Cháu về đây với bác. Các anh chị sẽ tìm việc cho cháu làm trong city..." Những lời giúp đỡ, khuyên bảo đó văng vẳng trong tai anh vào những ngày anh thất nghiệp, những ngày khó khăn mở đầu cho một cuộc đời mới. Nhưng anh nghĩ anh còn hơn hai mươi năm nữa để sống, anh có phải đầu tư dăm năm để được cái gì anh đã ước mơ thì cũng đáng cho anh làm. Và như thế anh đã quyết định trở lại con đường anh đã đi dở. Anh quyết định ghi tên đi học lại, tối thiểu lấy cho được cái bằng cao học để dễ ăn dễ nói với bọn Mỹ, để kiếm được một công việc ít ra không đến nỗi làm cho anh phải buồn khi nghĩ đến thân phận mình.

Những ngày ở Nữ Ước, anh đã từ chối không xin xỏ bà con, không nhờ vả bạn bè. Anh đã tự kiêu, không muốn phải lệ thuộc vào ai. Anh đã muốn tự mình tranh đấu với cuộc sống mới, dùng bộ óc mình và sức mình để sinh tồn. Những lúc ngã, anh cũng nhiều khi muốn dang tay ra xin cầu cứu nhưng rồi lại rút tay lại ngay để khỏi tự thấy xấu hổ. Những ngày anh còn nghèo khổ, anh không muốn đi gặp bà con họ hàng vì không anh muốn ai phải thương hại anh, phải nghĩ đến bốn phận giúp đỡ anh. Anh tự nghĩ "mình đã không chết bên Kämpuchia, sao mình có thể chết được nơi đây mà lo?" Và suy nghĩ đó cho anh thêm sức mạnh để tranh đấu chống lại số phận hẩm hiu của anh vào những ngày đó.

Anh đã tưởng đi San Francisco, cuộc đời anh sẽ khá hơn, sẽ gặp nhiều may mắn hơn. Nhưng không phải như thế! Cuộc đời anh vẫn còn khốn nạn, tiểu hạn xấu của anh chưa hết, anh còn phải chịu cực, còn phải đau buồn nhiều. Những tháng đầu, anh còn phải nằm đất, không có giường, không có nệm, không có gối. Một hôm đi đường anh thấy một chiếc nệm vút bỏ, anh về nhà nhờ Kiệt lái xe đi chở nó về. Mang về nhà anh mới thấy nó có những vết loang lổ, hôi hám, không lẽ lại đem đi trả lại nơi cũ? Mà đem đi thì lại nằm đất hay sao? Anh bỗng nảy ra ý kiến đi mua một bình Clorox về đổ vào chai có vòi xịt, xịt lên nệm rồi đem phơi nắng dăm ba ngày. Thế rồi anh nằm trên cái nệm đó mấy năm trời, cho đến khi anh mua được một cái giường cũ. Một hôm khác, anh đi chơi với Tâm, người học trò cũ, học anh những ngày anh dạy Pháp Văn tại Đại Học Y Dược Thành Phố Saigon khi đó đã đổi tên. Hai thầy trò đi xe buýt lên bến 39, mua cua luộc và mấy chai bia, tìm chỗ kín ngồi uống bia và ăn cua luộc. Những lúc khốn khổ đó, anh thấy sao cuộc đời dễ sướng đến như vậy? Người học trò của anh là bác sĩ tốt nghiệp Y Khoa Saigon, còn anh là giáo sư đại học. Thế mà hoàn cảnh đã đưa đẩy hai thầy trò đi tìm những thú vui quá tầm thường như thế. Lúc về, anh thấy một bọc nylon lớn quần áo vút ở đầu đường. Hai thầy trò bèn bưng về nhà chị Sơn ở San Jose để dùng nhờ máy giặt máy xấy của chị. Những kinh nghiệm đau thương đó đã làm cho anh trưởng thành hơn, ý thức được hơn ý nghĩa của cuộc đời. Trước kia, anh đã nghĩ cứ đi được đến Tây, đến Mỹ là sướng. Thực tế đã bao lần quất vào mặt anh, nay nó lại quất thêm một roi nữa cho anh bật tỉnh dạy.

Những năm tháng đầu tại nhà ông bà Đoàn, anh sống thật giản dị. Những bữa cơm của anh là những gói mì gói hay những khúc bánh mì phết bơ. Họa hoằn lắm mới có bữa cơm thịt kho hay rau sào, vì anh không muốn rắc rối cuộc đời. Trong ngăn tủ lạnh mà bà chủ nhà dành cho anh, chỉ nằm chống trơ có gói bánh mì sandwich, vài quả trứng, cục bơ, và thỉnh thoảng, thêm cây salami. Sữa tươi thì anh không uống, nước cam tươi thì quá đắt đối với anh, anh không dám mua. Vì thế mà có khi nào trên cái ngăn tủ lạnh đó anh dùng hết chỗ để đâu? Năm này sang năm kia, anh sống cuộc đời tị nạn như

thể, sống cho qua ngày, qua tháng, chẳng có gì là vui sướng. Cuộc sống độc thân là thế đó, là vô nghĩa vô vị.

Những tháng hè năm 1982, anh lê gót đi tìm việc làm vì trường học đóng cửa, anh là nhân viên ngoại ngạch, không những không được ăn lương hè mà không đương nhiên được thuê nhận lại vào tháng 9 khi tựu trường trở lại. Trương biết tình trạng đó vì năm ấy kinh tế suy thoái, nhiều giáo sư chính ngạch còn bị xa thải. Hoàng thấy cuộc đời anh đi vào chỗ bi đát. Anh đọc báo tìm chỗ làm nhưng đâu có nhiều việc khi mà bao nhiêu người, nhất là trong khu vực tư, bị mất việc. Những công việc tay chân tầm thường như bồi bàn, phụ bếp, lao công, cũng tranh giành nhau chứ đừng nói gì đến những việc tốt hơn như bán hàng hay thư ký văn phòng.

Nhưng ông trời vẫn còn thương anh, một hôm anh đi qua một tiệm ăn Pháp sắp khai trương trên đường Sutter, anh thấy bảng ghi tuyển dụng người. Anh vào hỏi thì thấy nhiều loại việc từ hầu bàn, dọn bàn, nấu bếp, phụ bếp cho đến rửa chén. Anh biết hầu bàn phải có kinh nghiệm, phải biết ăn nói bắt thiệp, và phải là Mỹ trắng hay Mỹ đen. Anh là Mít, ai mượn anh làm hầu bàn cho những khách hàng phần lớn là Mỹ da trắng? Và lại anh đâu có kinh nghiệm, đâu có giấy chứng nhận của chủ cũ? Nhìn hàng dài người chờ tới phiên mình để được phỏng vấn, anh đã thấy nản. Nhưng anh cố nán lại, vì anh hy vọng anh sẽ được chút ưu tiên nhờ ở sự thể anh nói được tiếng Pháp. Quả nhiên khi người chủ nhân Pháp hỏi anh bằng tiếng Anh ba rọi, anh liền nói:

- Tôi nói được tiếng Pháp. Ông không cần dùng tiếng Anh với tôi.

Người chủ nhân, một tay đầu bếp nổi tiếng bên Pháp nhờ cách nấu nướng mới của y tên là Nouvelle Cuisine Française, trở mắt nhìn anh vì không những anh nói được tiếng Pháp mà anh lại còn nói giọng Paris. Y hỏi anh:

- Anh làm sao mà nói được tiếng Pháp?
- Tôi là người Việt tị nạn. Việt Nam trước kia là phần đất của Pháp ở Đông Dương, chắc hẳn ông biết điều đó?

Tay đầu bếp chính (chef) Hubert Keller, một thằng Tây chỉ rành nấu bếp, nghe anh nói Indochine (Đông Dương) hỏi anh:

- Thuộc địa bên Tàu ấy à?

Anh thấy thằng Tây này ngu quá, anh bèn nói:

- Làm gì có thuộc địa Tây bên Tàu? Tao muốn nói "Indochine", không phải "Chine".

- Indochine ở đâu?
- Mà hãy mượn tao đi rồi tao sẽ kể cho mày nghe.
- Mà làm được việc gì?
- Tao có thể nấu bếp.
- Mà đã nấu bếp trong nhà hàng Pháp bao giờ chưa?
- Tao là đầu bếp trong nhà hàng Pháp ở Saigon.

Anh nói dối nhưng có cách. Anh muốn hù nó để có được việc làm. Nó hỏi anh:

- Mà thuộc école (trường phái) nào?

Anh nghĩ "Mẹ kiếp! nấu bếp chứ có phải làm văn nghệ, văn chương đâu mà trường phái?" Anh nói đại:

- Cuisine Coloniale Française (trường phái cơm Pháp thuộc địa)

Nó trở mắt nhìn anh ngạc nhiên. Chắc cả đời, nó chưa nghe đến trường phái đó.

- Mà làm tại tiệm ăn tên gì, ở đâu?

Anh chẳng nhớ tiệm ăn pháp nào nổi tiếng ở Saigon. Những ngày ở quê nhà trước khi Cộng Sản tràn vào, anh thường ngồi ở Brodard hay Givral uống cà phê ăn sáng. Nhưng những nơi đó đâu phải là tiệm ăn Pháp nổi danh? Anh lại nhớ ngày xưa bố anh thường dẫn cả nhà đi ăn ở tiệm Chez Albert trên đường Đinh Tiên Hoàng, tiệm này có một đầu bếp người Việt đứng nấu, anh nói đại:

- Tiệm Chez Albert ở Saigon, trên đường Albert Premier.

Thằng tây Hubert có biết gì về Saigon đâu. Nó nghe anh nói hơi bùi tai, hỏi thêm:

- Món ăn đặc biệt của mày là món gì?
- Poulet au Marengo, Crabe Farci, Boeuf Fondu, Civet de Lapin, Langoustine à la Saigonnaise... và nhiều món exotique khác nữa.
- Như món gì chẳng hạn?
- Jambe de Grenouille beurrées, Andouille grillée, Escargots au Gingembre.

Anh bịa ra những món đó vì anh thường nhậu đùi ếch chiên bơ, dỗi nướng, và ốc luộc lá gừng. Anh biết Hubert chẳng có thể kiểm chứng được nên anh cứ phịa ra như thế. Nghe đến đấy, hẳn nói:

- Tao cho mày chân phụ bếp vì tiệm ăn này không nấu những món ăn exotique đó. Tiệm này nấu theo Cuisine Moderne. Nếu một thời gian sau mày học được một hai món, tao sẽ cho mày đứng nấu. D'accord?

Thế là anh làm phụ bếp cho nó, suốt ngày chỉ băm tỏi, nấu nước xúp gà, luộc ức gà, gọt artichaux, gọt khoai tây hay cà rốt. Có ngày anh phải gọt hai ba thùng artichaux, bóc rồi băm hàng mấy ký tỏi, chặt bảy tám chục con gà, bỏ vào cái nồi áp suất đường kính cả thước để nấu lấy nước xúp.

Một hôm, anh phải khiêng những thùng rau, thùng thịt gà đông lạnh nặng ba bốn chục ki lô từ nhà kho trên lầu xuống nhà bếp. Khi đi xuống cầu thang, anh trượt chân bị treo lưng phải nghỉ cả tuần mà không được ăn lương. Hồi đó anh còn ngu ngơ không biết luật lao động Mỹ chứ theo đúng nguyên tắc ra, không những anh phải được trả lương, mà còn phải được chữa trị miễn phí. Cả tuần đó anh đau quá không đứng dậy được, suốt ngày nằm một chỗ trên tấm đệm nhạt được về từ ngoài phố. Anh nghĩ may mà có tấm nệm ăn mày đó chứ nếu phải nằm trên sàn gỗ thì có mà chết cha. Ngày nào Xuân, cũng lên thăm anh, nấu cho anh bát cháo sườn, và bôi dầu cù là vào lưng cho anh. Anh thương Xuân ở chỗ nó tận tình với anh. Trong sự cùng khổ, để có sự cảm thông và nhân ái là thế!

Trong khi làm việc, anh hay nói chuyện với Hubert, tên đầu bếp chính. Y hỏi anh trước kia anh học đến đâu, anh nói anh học được tới Brevet Elémentaire là cái bằng Trung Học Phổ Thông Tây. Nhưng vì anh nói đủ thứ chuyện từ lịch sử, địa dư cho đến triết lý, văn chương, chính trị, luật học, y hỏi anh tại sao anh biết nhiều thế, anh trả lời trời cho anh bộ óc thông minh, anh đọc sách, đọc đâu hiểu đó, có thể thôi. Từ đó trở đi nó nể anh hơn. Có một lần Hubert chửi mấy người phụ bếp Tàu; "Sao bọn Tàu nó ngu thế!", anh động lòng nói "Hubert, mày biết không, dân tộc nào cũng có thằng ngu thẳng khôn, kể cả dân tộc Pháp. Mày không thể nói vì chúng nó là Tàu chúng nó ngu!" Hubert nhìn anh trợn tròn đôi mắt, nhưng vì anh nói đúng, y cũng chẳng làm gì được anh.

Sáu tháng sau đó, Trương đến tiệm ăn tìm anh kêu anh trở về đi dạy vì học khu cần, anh chào từ biệt Hubert. Y hỏi anh:

- Mày kiếm được việc gì tốt hơn mà mày bỏ tao vậy?
- Có người mời tao đi dạy học ở Trung học.
- Tao đã biết trước là mày đã nói dối tao. Mày không chỉ có bằng Brevet.
- Tao phải nói thế thì mày mới mượn tao chứ. Nói thật thì tao sẽ vẫn còn thất nghiệp. Nhưng dù sao tao cũng cảm ơn mày. Không có mày thì tao chết đói sáu tháng trời.

Thế là anh lại phải trở về với cái nghề gõ đầu trẻ mà anh ghét cay ghét đắng. Làm phụ bếp có 8 đồng một giờ mà phải lao động cực khổ, ít ra đi làm thầy giáo cũng bớt lao động tay chân và lương gấp đôi gấp ba. Mà anh lại đang cần tiền để đi học. Anh mới đến ở Cali nên vẫn chưa được coi là California resident. Do đó, đi học, anh sẽ phải trả học phí như là sinh viên từ tiểu bang khác đến. Mà tiền học đâu phải là rẻ, bảy tám ngàn một năm cộng với tiền sách vở này kia cũng đến mười ngàn. Anh đã chuẩn bị thi GMAT để có thể xin vào học Graduate school of Business. Anh đã đến gặp người dean trường đó và được hướng dẫn làm thủ tục ghi danh học. Tất cả tùy thuộc vào điểm GMAT vì nếu điểm không cao anh sẽ không có cơ may được nhận.

Nhiều bà con bạn bè nghe tin anh xin đi học mà lại chịu bỏ mười ngàn đồng ra một năm, nói rằng anh điên khùng, học làm gì cho phí tiền. Nhưng mặc cho ai nói, anh vẫn quyết tâm theo đuổi con đường anh tính đi. Anh có khả năng trí tuệ, học hành đối với anh không có gì là khó, học tiến sĩ còn được hưởng hồ cao học. Anh nghĩ sau khi tốt nghiệp, anh sẽ có cơ hội đổi nghề, giã từ cái nghề mà vì hoàn cảnh anh phải tạm làm. Lại có người hỏi anh sao không đi học Luật Mỹ hay thi bar exam để trở thành luật sư. Từ ngày anh rời Nữ Ước, anh đã suy nghĩ nhiều về chuyện hành nghề luật sư tại Cali. Anh nghe nói thi gia nhập luật sư đoàn tại Cali khó, không đi học đàng hoàng ở trường khó mà đậu nổi. Nhiều lần anh đã đến Luật sư đoàn Cali (California Bar Association) hỏi thăm và lấy tài liệu về xem. Anh cũng đã nghĩ đến chuyện thi LSAT để xin vào học tại Hastings School of Law ở ngay tại thành phố này. Anh đã đến đó lấy hồ sơ xin nhập học về. Nhưng nghĩ đi nghĩ lại, anh thấy đâu có thể bỏ ra bốn năm không đi làm mà đi học? Lấy tiền đâu mà sống, chứ đừng nói là đóng tiền học, mua sách vở. Sau cùng anh đành đi học Business cho chắc ăn và nhất là vì anh có thể đến trường vào những buổi chiều tối, ngày anh vẫn có thể đi làm, tối đi học được.

Anh làm phụ bếp như thế cũng gần sáu tháng trời. Cứ bốn giờ rưỡi chiều, anh lấy chuyển xe M đi đến Powell station thì xuống đi bộ chừng chục blocks đến Sutter. Anh làm từ 5 giờ chiều đến 12 giờ đêm. Sau khi tất cả những tên đầu bếp đã đi về, anh vẫn còn phải ở lại dọn dẹp lau chùi. Khi anh và một số lao công đẩy cửa nhà hàng ra về thì chẳng còn ai khác trong nhà hàng nữa. Ngoài đường cũng vắng tanh chẳng còn mấy người đi bộ trên vỉa hè, xe hơi qua lại cũng ít. Trời thì lạnh mặc dù đang mùa hè hay đầu thu. Anh lúi thủi bước trên con đường Powell, nay đã quá quen thuộc, dọc theo những cửa hàng giờ đó đã đóng cửa từ lâu. Chỉ còn hai ba quán rượu còn mở và trong đó những nàng vũ nữ khoả thân vẫn còn nhảy múa theo tiếng nhạc xập xình. Lắm khi anh muốn ghé vào uống ly rượu ngắm những bộ ngực bộ mông căng đầy cho bớt thèm thuồng nhưng lại thôi. Vài cô gái mãi dâm già xấu xí đứng trước những quán rượu sán gần lại anh khi anh đi qua mời mọc, anh lắc đầu, cảm cổ đi, anh nghe phía sau lưng họ nói như muốn trêu chọc "You don't like girls?", anh im lặng chẳng nói gì. Khi leo lên chiếc xe buýt

vắng tanh, chỉ đôi khi có một người hành khách, anh thở phào nhẹ nhõm. Thế là một ngày lại đã trôi qua! Lúc mở cửa vào nhà, thì đã hơn 1 giờ sáng. Anh cởi quần áo nằm xuống cái nệm nay có mùi nước hoa rẻ tiền mà anh mua ở Walgreens về phun lên cho đỡ hôi hám, anh cảm thấy chân tay rã rời. Anh nằm như thế thao thức hàng giờ trước khi chợp được mắt. Sáng ra, khi anh tỉnh dậy thì cả nhà đã đi làm đi học, chẳng còn ai ngoại trừ Đoàn đang lui hui sửa xe trong gara, anh nhìn đồng hồ thì đã chín mười giờ sáng.

.....

Một năm sau khi anh đến San Francisco, anh thấy rằng việc di chuyển bằng xe buýt quá mất thời giờ. Mà thời giờ đối với anh rất quý vì anh vừa phải đi làm vừa phải đi học, làm gì có để nghỉ chứ không nói để mất đi phí phạm. Nếu đi xe chuyên chở công cộng tất nhiên phải đi đến bến, phải chờ nơi đó và phải đi lòng vòng, sang xe có khi đôi ba lần mới đến được nơi mình muốn đến. Vì vậy khi anh nghe một người bạn của Thiết có chiếc xe cũ muốn bán lại hai trăm, anh đã quyết định mua. Mua xe xong anh không có tiền để đóng bảo hiểm xe và như thế một tai họa đã xảy đến bất ngờ. Một hôm từ chỗ đậu tại Stonestown anh lui xe ra thì vì vô ý không nhìn đằng sau nên anh đụng nhẹ phải một xe khác đi ngang qua. Do xe không có bảo hiểm nên anh bị thưa ra tòa xử những vụ kiện nhỏ (small claims court) và tòa bắt anh phải bồi thường 1000 đô la cho chủ xe. Vì anh đang đi làm phụ bếp, tiền lương không bao nhiêu, nên quan tòa cho phép anh trả góp mỗi tháng một trăm. Kinh nghiệm đau thương ấy anh nhớ mãi.

.....

Mùa hè đã trôi qua, mùa thu đã đến, San Francisco không có lá đỏ rợp nền trời, không có lá khô rụng đầy đường, nhưng trời ngày càng xám xịt, và đã trở lạnh. Kể từ ngày Trương đưa anh về dạy tại trường Trung học Mission cuộc đời anh đã êm đềm, bớt sóng gió hơn. Những buổi chiều tối, anh vùi đầu vào những cuốn sách luyện thi GRE và GMAT. Tháng 10 anh sẽ thi và hy vọng điểm anh sẽ đủ cao để được nhận vào San Francisco State University. Anh sẽ là người Việt Nam thứ hai đi học tại Graduate School of Business vì trước anh đã có một thanh niên vào học nơi đây.

Kể từ vài tháng nay, cứ đến cuối tuần là anh lại đến thăm trường, anh vào trong thư viện ngồi đọc những cuốn sách dày cộm, đọc cho quen, cho óc anh tập làm việc trở lại. Bởi vì bao nhiêu năm rồi óc anh đâu có làm việc, anh đâu có cơ hội nào vận dụng tâm trí của anh đâu. Anh không biết trí tuệ anh có cùn nhiều đi hay không nhưng có điều anh biết chắc là lòng tin ở chính anh vẫn còn như xưa, nó sẽ giúp anh vượt qua được bất cứ trở ngại nào. Anh sẽ thành công. Điểm thi của anh sẽ đủ cao để cho anh được nhận vào học,

anh sẽ từ từ đáp ứng lại những đòi hỏi của việc học hành, anh sẽ vươn lên cao và sẽ đứng hàng đầu trong khoá học.

Nhớ lại những ngày đi học Sư Phạm, bố anh đã buộc anh đi theo ngành đó chỉ vì khi đi học được lãnh lương, anh đã đậu vào với hạng 34 trên 35; nhưng với quyết tâm vươn lên, anh đã ra trường hạng 6 hay 7 gì đó anh không còn nhớ rõ. Không phải vì anh thích học văn chương. Chẳng qua đó là cá tính của anh, làm gì thì làm cũng phải thành công, không thể chịu thua kém, không thể để cho thiên hạ chê cười. Chẳng thế mà vị giáo sư thạc sĩ Pháp Pierre Catala khi sang Việt nam thuyết giảng cho lớp Cao Học Tư Pháp đã để ý đến anh, và khen anh là người có quyết tâm và khả năng trí tuệ cao. Chính ông đã giới thiệu anh với Giáo Sư khoa trưởng trường Luật và đề nghị cho anh làm phụ khảo để anh có thể viết luận án tiến sĩ về Dân Luật.

Trời ban cho Hoàng một bộ mã tốt. Trông tướng anh phương phi đạo mạo, người ngoài tiếp xúc với anh kính trọng anh ngay từ phút đầu, thêm vào đó anh cười mở vui tính, nên dễ gây cảm tình của mọi người. Hoàng là một con người có nhiều tính tốt. Anh rộng lượng bao dung, che chở đàn em, cử xử đàng hoàng đứng đắn, theo đúng nguyên tắc với đàn anh. Anh rất tình cảm, dễ xúc động và thường hay để con tim lẫn áp lý trí. Nói chung anh được nhiều người thương mến vì anh là một con người lương thiện, cương trực, nhưng có nhiều nhân tính. Nhưng trời cũng sinh anh ra với đôi tính xấu: anh rất nóng tính, dễ cau có, anh đòi hỏi (exigeant), anh luôn muốn cái tuyệt mỹ nên đối với người thân, như trong gia đình, anh bị coi như là người khó hòa thuận, đối với bạn bè thì khó giao thiệp. Tuy nhiên đối với đồng nghiệp nhờ có khả năng và có tinh thần nhân ái và sẵn sàng giúp đỡ nên tuy anh khó tính nhưng vẫn được mọi người kính trọng và quý mến. Nhưng anh là người vừa năng động vừa sống về nội tâm nên ít sống nhờ vào người khác; anh rất ít ngoại giao, chỉ liên lạc vì công việc, không liên lạc để vui chơi, hoan lạc. Bạn bè anh không nhiều nhưng họ là những người chí thân, anh có thể nhờ vả vào họ khi cần để sống còn. Ngoài ra, anh sống cô độc... Anh vẫn luôn tự coi mình như là một con sói lang thang một mình trên một bãi sa mạc mênh mông... Anh vẫn luôn thấy cô đơn trên cõi đời.